

Bản án số: 02/2023/KDTM - ST
Ngày: 10 - 01 - 2023.
Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Yên.

Ông Nguyễn Hữu Đệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 10/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 148/2022/TLST-KDTM ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST - KDTM ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2022/QĐST – KDTM ngày 21 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần X (XBank).

Trụ sở: Số xx LH, phường LH, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô chí D. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị XBank.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Tuấn A. Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý (Theo Văn bản uỷ quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Người đại diện tham gia tố tụng theo uỷ quyền: Ông Ma Quang M và ông Nguyễn Bảo T – Cán bộ xử lý nợ (Theo Văn bản uỷ quyền số 205/2022/UQ – LCC – KHDNMB01 ngày 24/11/2022 của Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý). Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Lê Thị Ánh T, sinh năm 1986. Vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Khu x, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1979. Vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Khu x, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Lê Thị Ánh T vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần X (XBank), theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 090920-5603528-01-SME ngày 10/9/2020, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ đồng chẵn);
- Thời hạn vay: 12 tháng tính từ ngày 10/9/2020.
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh vật tư, hóa chất và thiết bị y tế.
- Lãi suất trong hạn: Quy định trong Khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên Ngân hàng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 20%/năm.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi, tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên vợ chồng bà Lê Thị Ánh T và ông Nguyễn Văn D đã ký: Hợp đồng bảo lãnh số 01-5603528/HĐBL ngày 10/9/2020 và Hợp đồng bảo lãnh số 02-5603528/HĐBL ngày 10/9/2020, theo đó ông bà đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bà Lê Thị Ánh T trong việc thực hiện các nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 090920-5603528-01-SME ngày 10/9/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng này bà Lê Thị Ánh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho XBank và khoản vay này đã chuyển nợ xấu và áp dụng lãi suất quá

hạn.

Theo đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần X xác định: Tính đến ngày 07/12/2020, tổng số tiền bà T còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần X là: **1.306.995.123** đồng (Một tỷ, ba trăm linh sáu triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm hai mươi ba đồng), bao gồm:

- Nợ gốc: 944.619.972 đồng.
- Nợ lãi: 358.761.370 đồng.
- Phạt chậm trả lãi: 3.613.781 đồng.

Ngân hàng đề nghị bà T phải hoàn trả cho Ngân hàng khoản tiền nợ của bà với Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 090920-5603528-01-SME ngày 10/9/2020, tính đến hết ngày 07/12/2022 là: **1.306.995.123** đồng (Một tỷ, ba trăm linh sáu triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm hai mươi ba đồng). Bà T phải tiếp tục chịu lãi theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 090920-5603528-01-SME ngày 10/9/2020 trên số nợ gốc kể từ ngày 07/12/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ với Ngân hàng thương mại cổ phần X. Do khoản vay chỉ đứng tên một mình bà T nên Ngân hàng chỉ yêu cầu bà T trả nợ, việc phân định nợ chung hay riêng giữa vợ chồng bà T do ông bà tự giải quyết, Ngân hàng không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Về thời gian trả nợ thì Ngân hàng có thể tạo điều kiện cho bà thêm thời gian vài tháng để thu xếp trả nợ. Nếu bà T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 090920-5603528-01-SME ngày 10/9/2020 cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên các tài sản của vợ chồng bà T, ông D theo Hợp đồng bảo lãnh số 01-5603528/HĐBL ngày 10/9/2020 và Hợp đồng bảo lãnh số 02-5603528/HĐBL ngày 10/9/2020 để thu hồi nợ theo thủ tục thi hành án. Hiện nay, Ngân hàng chưa xác định được bà T, ông D có những tài sản gì nên chưa đề nghị kê biên với cụ thể tài sản nào của bà T, ông D.

Ngoài ra, Ngân hàng thương mại cổ phần X xác định giữ nguyên các yêu cầu khi khởi kiện và không sửa đổi, bổ sung hay rút yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Lê Thị Ánh T, trình bày như sau: Bà không có yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập gì, nhất trí với số nợ gốc còn lại của bà với Ngân hàng thương mại cổ phần X theo như Ngân hàng thương mại cổ phần X đã xác định trong đơn khởi kiện tại Tòa án và trong quá trình làm việc tại Tòa án. Bà vay Ngân hàng bằng Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 090920-5603528-01-SME ngày 10/9/2020 có đảm bảo bằng Hợp đồng bảo lãnh số 01-

5603528/HĐBL ngày 10/9/2020 và Hợp đồng bảo lãnh số 02-5603528/HĐBL ngày 10/9/2020, theo đó bà và chồng bà là ông D sẽ dùng toàn bộ tài sản của ông bà để đảm bảo cho khoản vay trên của bà tại Ngân hàng. Tuy nhiên, hiện nay ông bà đang bị vỡ nợ, không còn tài sản gì khác vì nhà đất ông bà cũng thế chấp cho Ngân hàng khác bị nợ quá hạn nên đã bị thu hồi. Do đang rất khó khăn nên bà nhận nợ với Ngân hàng và xác định trách nhiệm thanh toán nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nhưng chưa biết khi nào có thể thu xếp trả nợ cho Ngân hàng. Khoản vay này của Ngân hàng đứng tên một mình bà nên bà sẽ chịu trách nhiệm giải quyết với Ngân hàng, không yêu cầu Tòa án phân định khoản nợ này giữa vợ chồng ông bà với nhau mà để ông bà tự giải quyết. Chồng bà hiện đang đi làm ăn xa và cũng là đi trốn nợ nên bà có trách nhiệm nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho chồng bà. Về án phí bà chịu theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn D và cũng là chồng của bà Lê Thị Ánh T hiện không có mặt tại khu x thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội nên Tòa án không tổng đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông, không ghi được lời khai nên tổng đạt thông qua vợ ông là bà Lê Thị Ánh T. Cho đến nay, Tòa án không nhận được bất kỳ ý kiến, quan điểm nào của ông D về các vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông cần được bảo vệ có liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa ngày 10/01/2023, người đại diện của Ngân thương mại cổ phần X xác định: Tính đến hết ngày 10/01/2023, tổng số tiền bà T còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần X theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 090920-5603528-01-SME ngày 10/9/2020 là: **1.333.999.565** đồng (Một tỷ, ba trăm ba mươi ba triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, năm trăm sáu mươi lăm đồng), bao gồm:

- Nợ gốc: 944.619.972 đồng.
- Nợ lãi: 385.158.969 đồng.
- Phạt chậm trả lãi: 4.220.624 đồng.

Ngân hàng tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu đối với phần lãi phạt chậm trả lãi nên yêu cầu bà T phải hoàn trả cho Ngân hàng khoản tiền nợ của bà với Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 090920-5603528-01-SME ngày 10/9/2020, tạm tính đến hết ngày 10/01/2023 sau khi trừ đi phần lãi phạt chậm trả lãi là: **1.329.778.941** đồng (Một tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm bốn mươi một đồng).

Ngoài ra, Ngân hàng vẫn giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu đã trình bày trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa sau khi nhận xét, đánh giá quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và sự chấp hành pháp luật của các đương sự đã xác định:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân thương mại cổ phần X đối với bà Lê Thị Ánh T.

Bà Lê Thị Ánh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục:

Bà Lê Thị Ánh T vay vốn Ngân hàng để kinh doanh trong thời kỳ hôn nhân, ông D chồng bà biết vì ông là người ký hợp đồng bảo lãnh cho khoản vay của bà T nhưng do khoản vay đứng tên một mình bà T và Ngân hàng yêu cầu bà T có trách nhiệm trả nợ, bà T không đề nghị Tòa án phải phân định khoản nợ này giữa bà với ông D chồng bà còn ông D không có ý kiến yêu cầu gì nên Tòa án không giải quyết, nếu có tranh chấp các bên sẽ giải quyết với nhau bằng vụ kiện khác là phù hợp quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Lê Thị Ánh T có đơn xin vắng mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông D, đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và giành quyền kháng cáo cho họ theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 090920-5603528-01-SME ngày 10/9/2020: Ngân thương mại cổ phần X đã cung cấp các tài liệu thể hiện việc ký kết, nội dung các thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng, quá trình thực hiện, vi phạm hợp đồng tín dụng của bà T, bà T nhất trí, không có ý kiến gì khác. Ngân thương mại cổ phần X và bà T đều có đầy đủ tư cách pháp nhân, năng lực hành vi dân sự tại thời điểm các bên giao kết và thực hiện Hợp đồng cho vay hạn mức trên. Khi tham gia giao kết Hợp đồng, các bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc nên xác định việc thực hiện giao dịch là

hoàn toàn tự nguyện. Các điều khoản thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 090920-5603528-01-SME ngày 10/9/2020 là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị Ánh T đứng tên vay trong hợp đồng tín dụng với Ngân thương mại cổ phần X và Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T có nghĩa vụ thanh toán khoản vay; khoản vay này hình thành trong thời kỳ hôn nhân với ông Nguyễn Văn D nhưng ông bà đều không có ý kiến yêu cầu Tòa án phân định trách nhiệm đối với khoản nợ này trong vụ án nên xác định bà T có trách nhiệm thanh toán khoản vay cho Ngân hàng và ông D, bà T sẽ tự giải quyết với nhau về khoản vay này, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do Hợp đồng cho vay hạn mức là hợp pháp, phù hợp pháp luật nên các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng được pháp luật thừa nhận và có hiệu lực giữa các bên tham gia ký kết, bao gồm các thỏa thuận về lãi suất. Theo bảng kê chi tiết nợ gốc và lãi do Ngân hàng cung cấp và yêu cầu phía bị đơn trả nợ, qua xem xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần X tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu đối với phần lãi phạt chậm trả lãi đối với bà Lê Thị Ánh T theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 090920-5603528-01-SME ngày 10/9/2020 nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi phạt chậm trả lãi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Ngân thương mại cổ phần X, buộc bà Lê Thị Ánh T phải thanh toán cho Ngân thương mại cổ phần X số tiền còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 090920-5603528-01-SME ngày 10/9/2020, tính đến hết ngày 10/01/2023 sau khi trừ đi phần lãi phạt chậm trả lãi là: **1.329.778.941** đồng (Một tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm bốn mươi một đồng), bao gồm:

- Nợ gốc: 944.619.972 đồng.
- Nợ lãi: 385.158.969 đồng.

Bà T phải tiếp tục chịu lãi trên nợ gốc tính từ ngày 11/01/2023 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 090920-5603528-01-SME ngày 10/9/2020 trên dư nợ gốc của hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Xét yêu cầu: buộc ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả nợ thay bà Lê Thị Ánh T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên và Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Lê Thị Ánh T và ông Nguyễn Văn D để thu hồi khoản nợ vay: Ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị Ánh T đã ký kết Hợp đồng bảo lãnh số 01-5603528/HĐBL ngày 10/9/2020 và Hợp đồng bảo lãnh số 02-5603528/HĐBL ngày 10/9/2020, theo đó bà T và ông D sẽ dùng toàn bộ tài sản của ông bà để đảm bảo cho khoản vay trên của bà T tại Ngân hàng, không hủy ngang. Khi ký kết các Hợp đồng bảo lãnh trên Ngân thương mại cổ phần X và bà T, ông D đều có đầy đủ tư cách pháp nhân, năng lực hành vi dân sự tại thời điểm các bên giao kết. Khi tham gia giao kết Hợp đồng, các bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc nên xác định việc thực hiện giao dịch là hoàn toàn tự nguyện. Các điều khoản thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó Hợp đồng bảo lãnh số 01-5603528/HĐBL ngày 10/9/2020 và Hợp đồng bảo lãnh số 02-5603528/HĐBL ngày 10/9/2020 là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần X nếu bà T không trả nợ hoặc không trả đủ nợ thì ông Nguyễn Văn D phải có trách nhiệm trả nợ thay cho bà T toàn bộ khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 090920-5603528-01-SME ngày 10/9/2020 và Ngân hàng thương mại cổ phần X có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại các tài sản của ông D, bà T để thu hồi nợ khoản nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 090920-5603528-01-SME ngày 10/9/2020 cho Ngân hàng.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Tổng tài sản tranh chấp là 1.329.778.941 đồng (Một tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm bốn mươi một đồng). Án phí là: 36.000.000 đồng + 3% x (1.329.778.941 đồng – 800.000.000 đồng) = 51.893.368 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà T phải chịu toàn bộ án phí.

Ngân hàng thương mại cổ phần X được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu tiền án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí là: 23.077.000 đồng (Hai mươi ba triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0047xxx ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 351, 353, 335, 336, 342, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Các Điều 90, 92, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Luật Ngân hàng Nhà nước;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Điều 30, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Luật Thi hành án dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X đối với bà Lê Thị Ánh T về việc tranh chấp Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 090920-5603528-01-SME ngày 10/9/2020.

Tính đến hết ngày 10/01/2023, bà T còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần X số tiền: **1.333.999.565** đồng (Một tỷ, ba trăm ba mươi ba triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, năm trăm sáu mươi lăm đồng), bao gồm:

- Nợ gốc: 944.619.972 đồng.
- Nợ lãi: 385.158.969 đồng.
- Phạt chậm trả lãi: 4.220.624 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng thương mại cổ phần X rút yêu cầu đối với phần phạt chậm trả lãi đối với bà Lê Thị Ánh T. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính phạt chậm trả lãi đối với bà Lê Thị Ánh T theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 090920-5603528-01-SME ngày 10/9/2020.

[2] Buộc bà Lê Thị Ánh T phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần X, tổng số tiền tính đến hết ngày 10/01/2023 là: **1.329.778.941** đồng (Một tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm bốn mươi một đồng), bao gồm:

- Nợ gốc: 944.619.972 đồng.
- Nợ lãi: 385.158.969 đồng.

Bà T phải tiếp tục chịu lãi trên nợ gốc tính từ ngày 11/01/2023 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số

090920-5603528-01-SME ngày 10/9/2020 trên dư nợ gốc của hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[3] Trường hợp bà T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ thì ông Nguyễn Văn D phải có trách nhiệm trả nợ thay cho bà T toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 090920-5603528-01-SME ngày 10/9/2020 và Ngân hàng thương mại cổ phần X có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản của bà Lê Thị Ánh T và ông Nguyễn Văn D theo quy định của pháp luật để thu hồi khoản nợ trên theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo lãnh số 01-5603528/HĐBL ngày 10/9/2020 và Hợp đồng bảo lãnh số 02-5603528/HĐBL ngày 10/9/2020.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ánh T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 51.893.368 đồng (Năm mươi một triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi tám đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần X được hoàn lại tiền tạm ứng án phí là: 23.077.000 đồng (Hai mươi ba triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0047xxx ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo về phần quyền lợi, nghĩa vụ của mình có liên quan./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thanh